

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ **phí** năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1354/2024/TLST/HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024, về việc: “*Thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Người yêu cầu: Ông L, sinh năm: 1989

Địa chỉ: 155A Khu phố 5, phường Đ, Quận Q, Thành phố N.

Người yêu cầu: Bà N, sinh năm 1992

Địa chỉ: 155A Khu phố 5, phường Đ, Quận Q, Thành phố N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy, tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30/12/2024, các đương sự đã thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 người con chung tên B, sinh ngày 03/07/2015 và G, sinh ngày 29/06/2017, hai bên thỏa thuận giao cả hai con chung cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông L không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Ông L xác định không có.

[4] Về nghĩa vụ chung: Ông L xác định không có.

[5] Về lệ phí: Ông L phải chịu.

Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 42, do UBND phường Đ, Quận Q, Thành phố N cấp ngày 26/03/2013 cấp không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Giao 02 người con chung tên B, sinh ngày 03/07/2015 và G, sinh ngày 29/06/2017 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông L không cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng ông L phải chịu, cần trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0049639 ngày 09/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Q, Thành phố N, ông L, bà N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (Đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014)”.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Văn Thắng